

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 22/02/2019.
V/v “Kiện xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huê và bà Trần Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019, về “Kiện xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đinh Văn K, sinh năm 1988.

Nơi ĐKNKTT: thôn N, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: số 23A, đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: tổ dân phố T, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Về hôn nhân: Anh Đinh Văn K và chị Nguyễn Thị Thanh T đăng ký kết hôn vào ngày 24/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là phường L), thành phố P, tỉnh Hà Nam là hoàn toàn tự nguyện. Việc kết hôn của anh chị cũng được gia đình hai bên đồng ý cho tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại tỉnh Bình Dương chỉ được khoảng 04 tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ chồng anh chị không hợp nhau về quan điểm sống và cách sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Do vậy, từ tháng 7 năm 2013 đến nay, vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa.

* Quan điểm của nguyên đơn anh Đinh Văn K: Anh xét thấy tình cảm vợ chồng anh không còn nữa, những mâu thuẫn không thể giải quyết và hàn gắn được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T.

* Quan điểm của bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T: Chị cũng xác định tình cảm vợ chồng chị không còn nữa và mục đích hôn nhân không đạt được nên anh K đề nghị giải quyết ly hôn, chị cũng thuận tình ly hôn với anh K.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị thống nhất có 01 con chung là cháu Đinh Ngọc Bảo V, sinh ngày 23/01/2014 (con gái), do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, anh K và chị T thống nhất giao cho chị T nuôi dưỡng cháu Bảo V và anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng là 3.000.000đ, cho đến khi cháu Bảo V trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Anh K, chị T thống nhất không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Chị T có quan điểm: Chị vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại Tòa. Về hôn nhân: chị thuận tình ly hôn với anh K; về con chung: chị vẫn xin được nuôi con chung Đinh Ngọc Bảo V và chị đề nghị anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 3.000.000đ, kể từ tháng 2 năm 2019, cho đến khi cháu Bảo V trưởng thành đủ 18 tuổi. Các vấn đề khác chị không đề nghị giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

Căn cứ điều 28, 35, 39, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh K với chị T. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh K và chị T.

2. Về con chung: Giao con chung Đinh Ngọc Bảo V (con gái) cho chị T nuôi dưỡng và anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng là 3.000.000đ, kể từ tháng 2 năm 2019, cho đến khi cháu Bảo V trưởng thành đủ 18 tuổi.

3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh K và chị T mỗi người phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh K phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử (HĐXX), thấy:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của anh Đinh Văn K có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “ Ly hôn, nuôi con chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh T có nơi cư trú tại tổ dân phố T, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Đinh Văn K và chị Nguyễn Thị Thanh T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/11/2011 tại UBND xã L (nay là phường L), thành phố P, tỉnh Hà Nam nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Đinh Văn K và quan điểm của chị Nguyễn Thị Thanh T, HĐXX thấy:

Sau kết hôn vợ chồng anh K, chị T chung sống với nhau chỉ được một thời gian ngắn đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng anh chị không hợp nhau về quan điểm sống, cách sống nên trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung và những mâu thuẫn không thể hòa giải được. Do vậy, anh K xin ly hôn, chị T cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Điều đó, chứng tỏ hai bên anh chị đều không muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân với nhau nữa. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa anh K và chị T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận việc thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị thống nhất có 01 con chung là cháu Đinh Ngọc Bảo V, sinh ngày 23/01/2014 (con gái), do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Xét quan điểm của anh K và nguyện vọng của chị T. HĐXX thấy: Từ khi anh K và chị T sống ly thân thì chị T nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bảo V và cháu Bảo V là con gái, cần có sự chăm sóc, dạy dỗ của trực tiếp người mẹ. Do vậy, cần giao cháu Bảo V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng là 3.000.000đ, kể từ tháng 2 năm 2019, cho đến khi cháu Bảo V trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế và pháp luật theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh K và chị T không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí:

+ Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh K và chị T mỗi người phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh K phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa: Anh Đinh Văn K và chị Nguyễn Thị Thanh T.

[2] Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Thanh T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đinh Ngọc Bảo V, sinh ngày 23/11/2014 (con gái). Anh Đinh Văn K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị Thanh T mỗi tháng là 3.000.000đ, kể từ tháng 2 năm 2019, cho đến khi cháu Đinh Ngọc Bảo V trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc do có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc, thăm nom con chung.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Đinh Văn K và chị Nguyễn Thị Thanh T không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí:

+ Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đinh Văn K và chị Nguyễn Thị Thanh T mỗi người phải nộp 150.000đ.

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Đinh Văn K phải nộp 300.000đ.

Anh Đinh Văn K được miễn trừ với 300.000đ mà anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0001981 ngày 08/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Anh Đinh Văn K còn phải nộp tiếp 150.000đ.

[5] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Duy